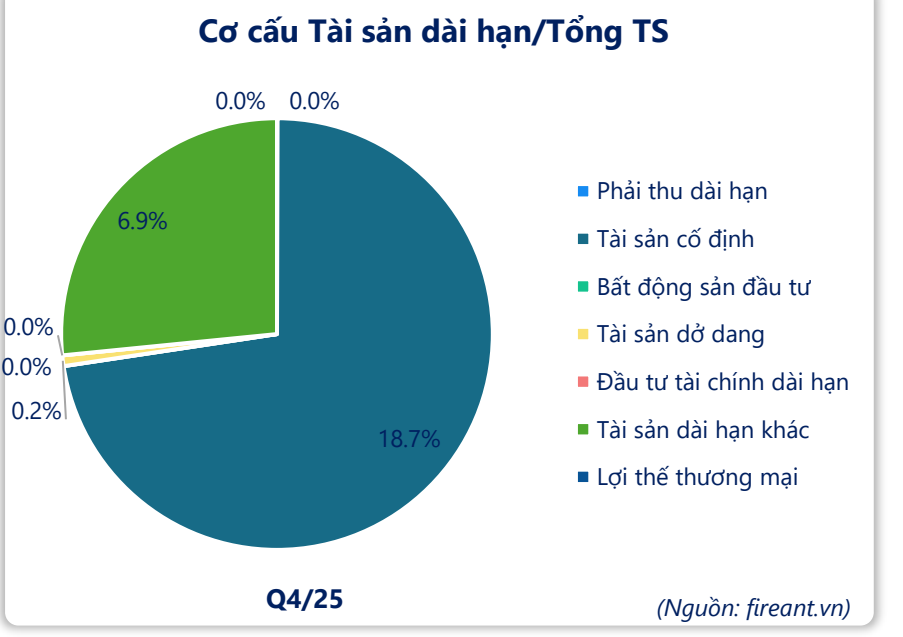
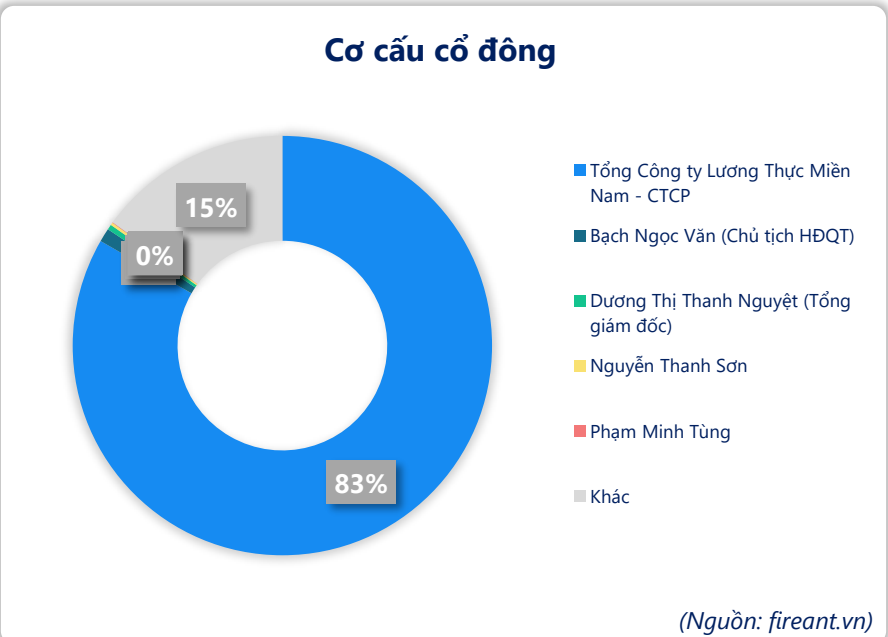
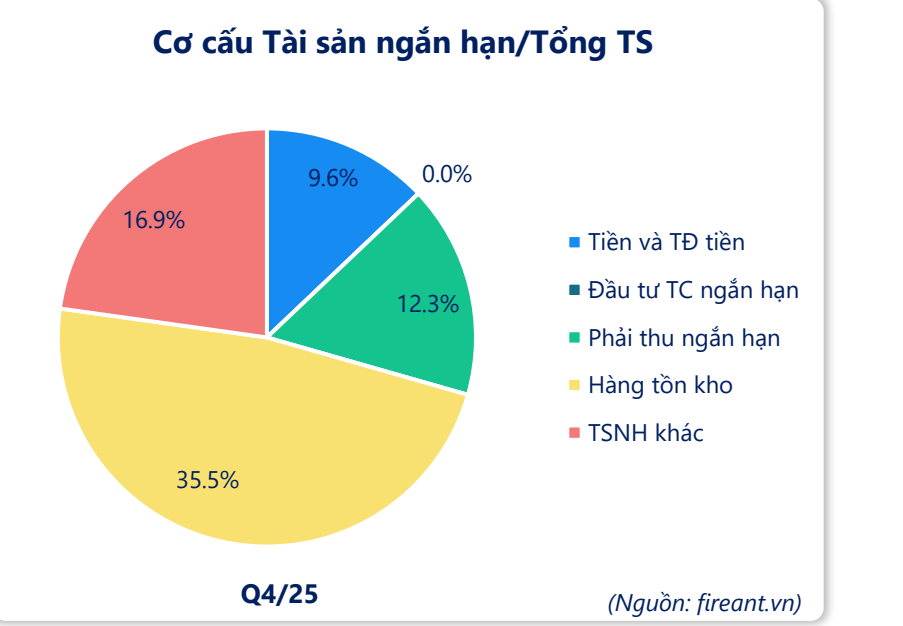
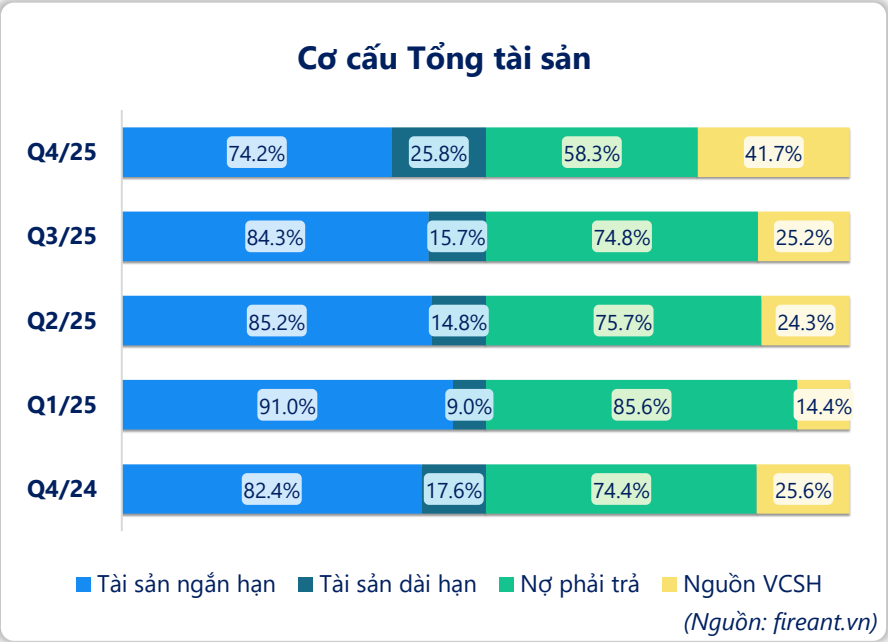
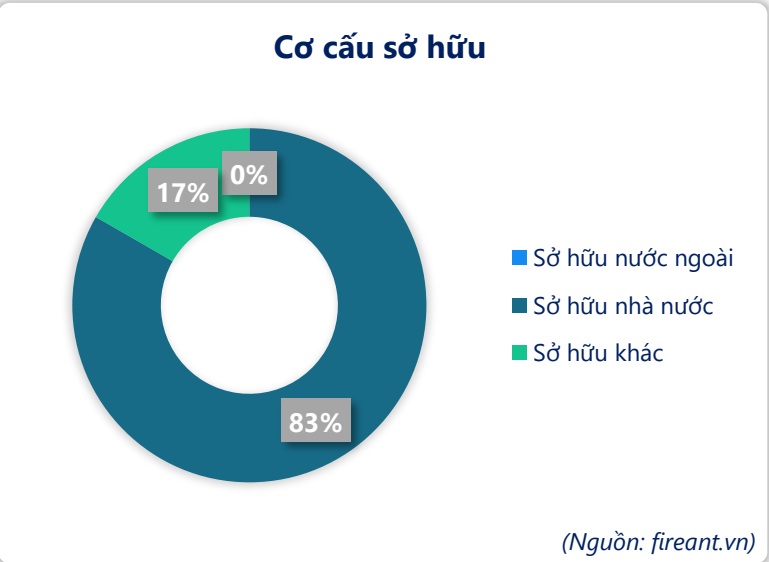
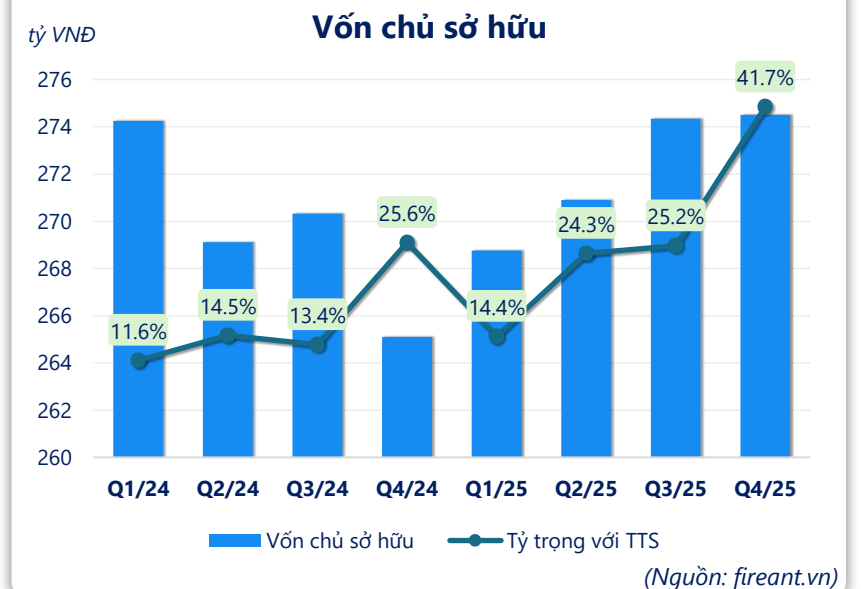
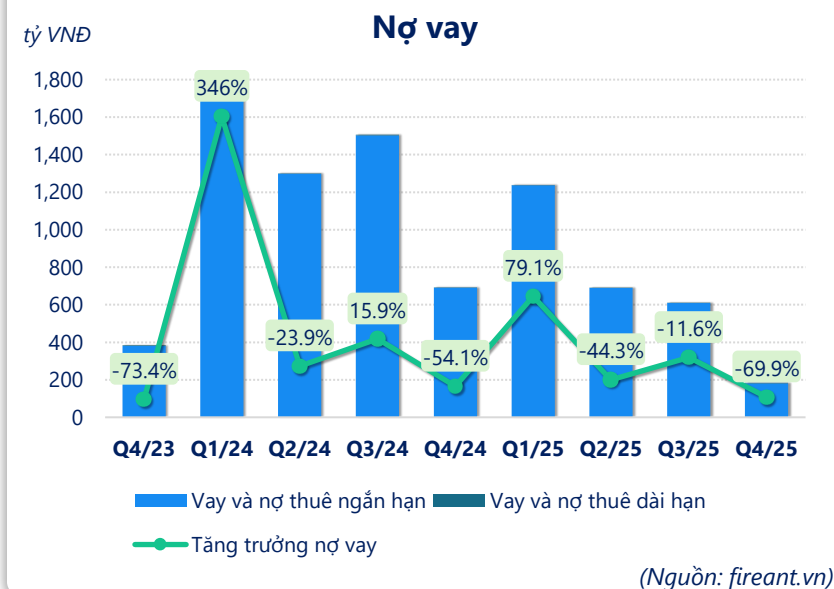
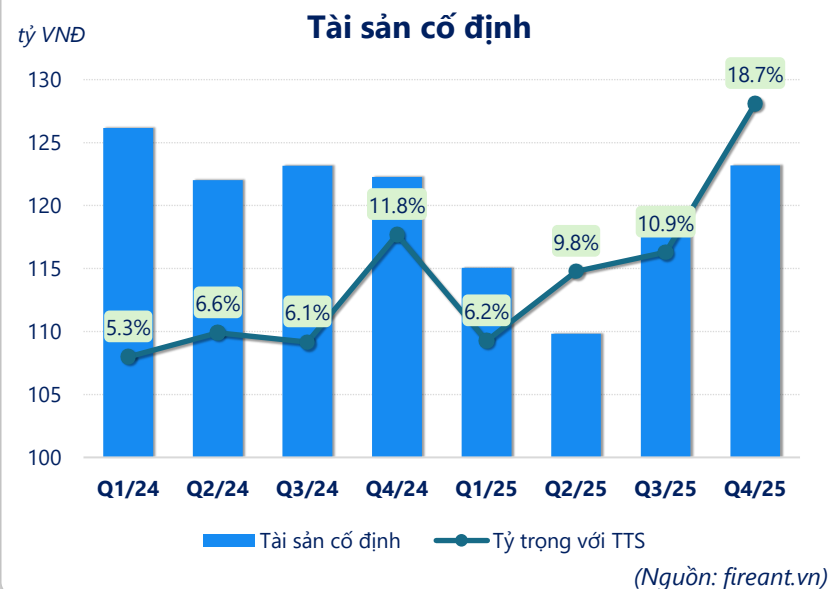
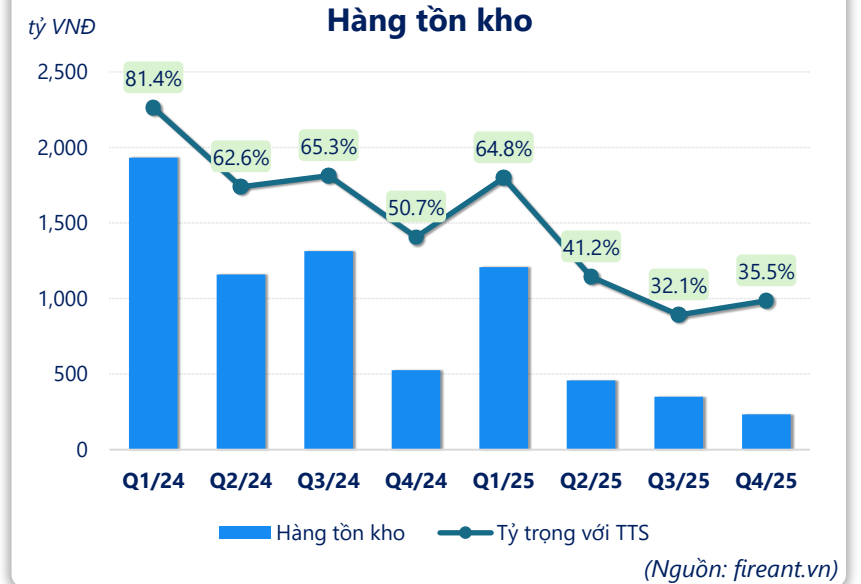
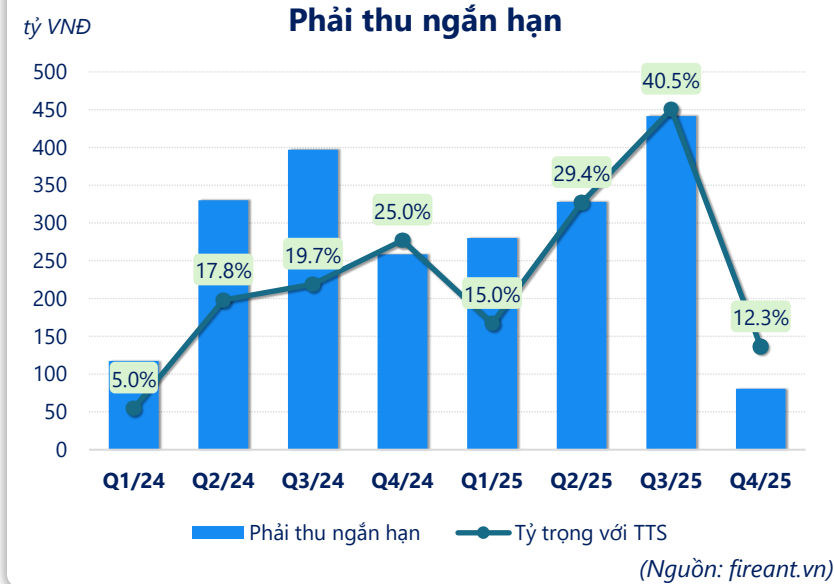
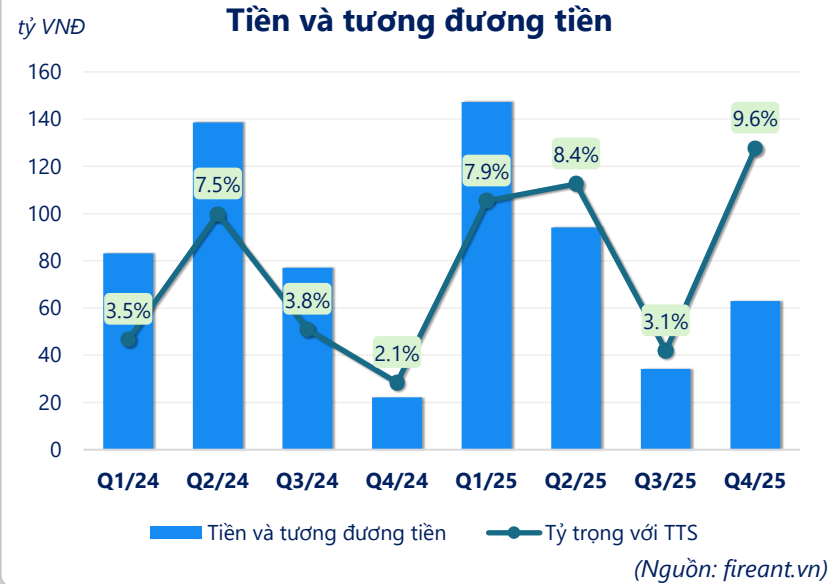
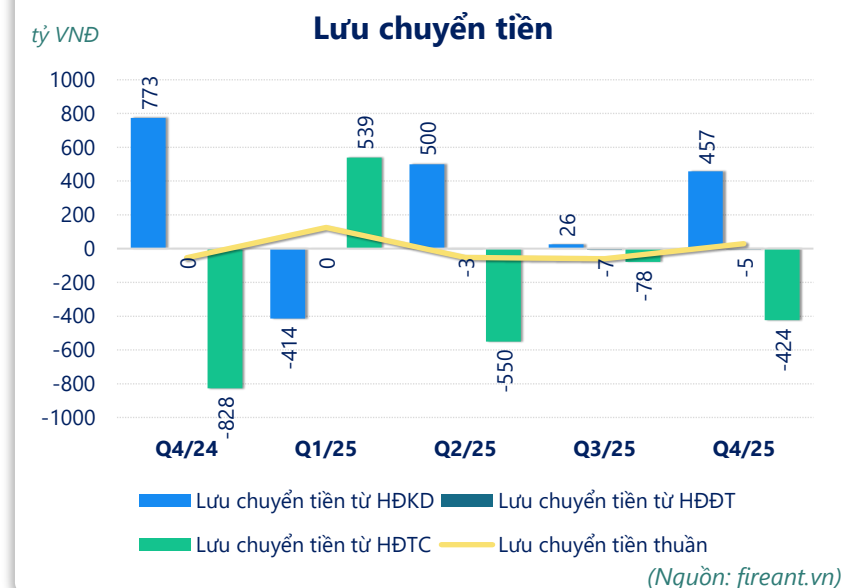
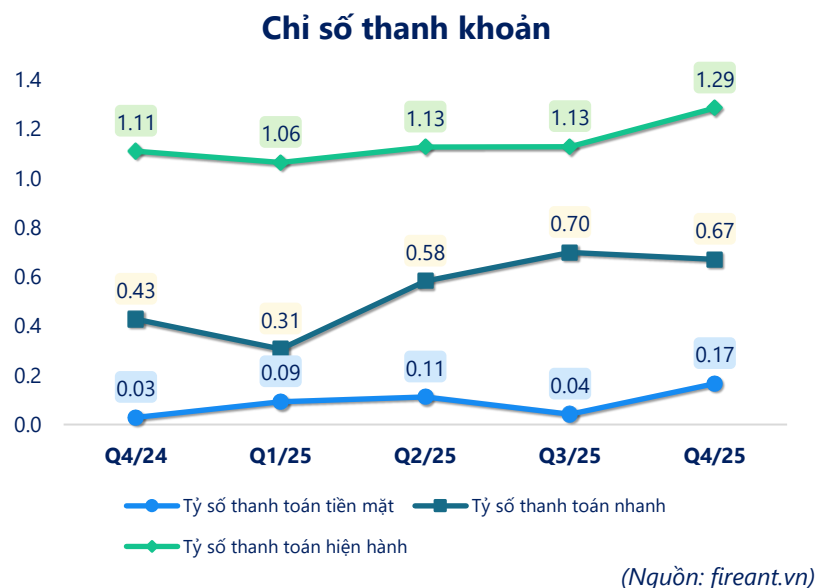
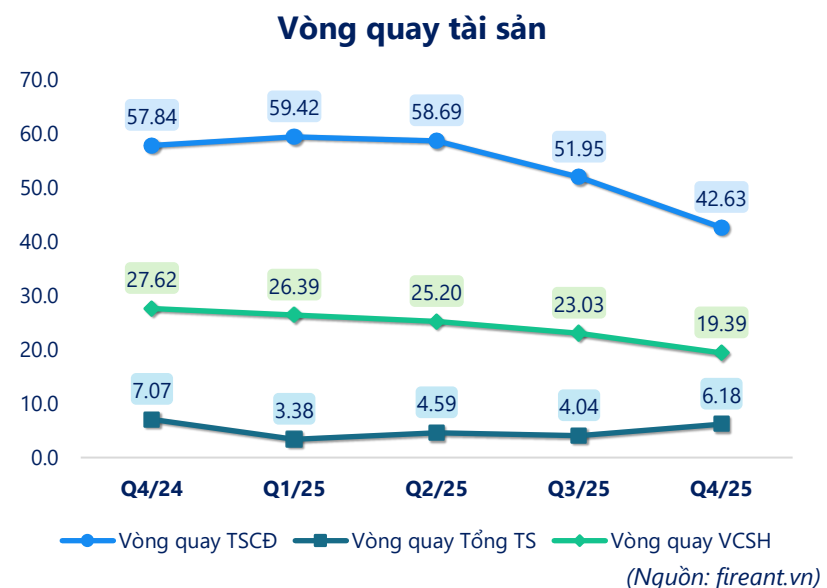
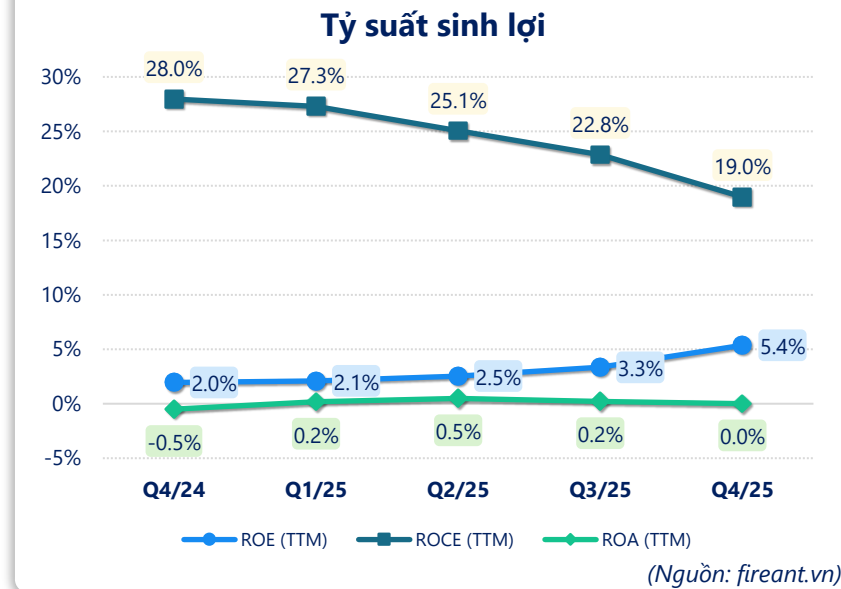
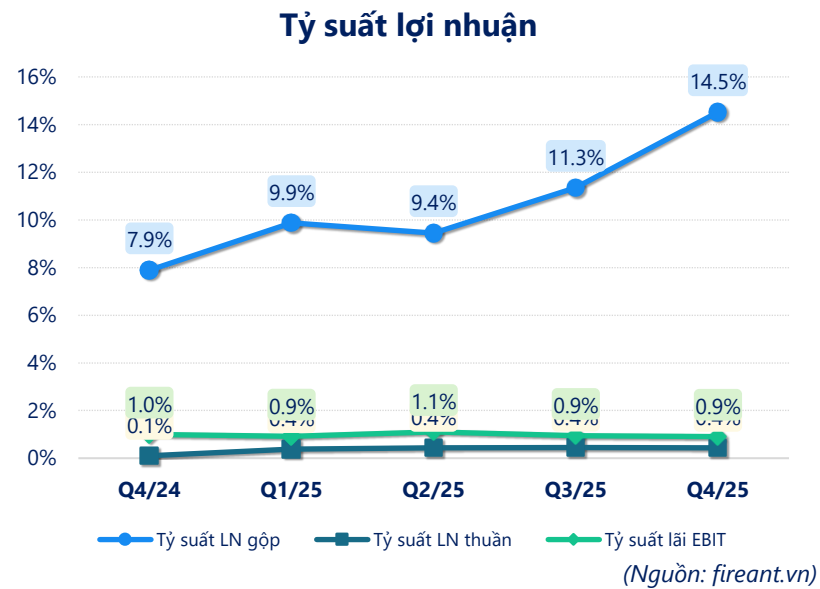
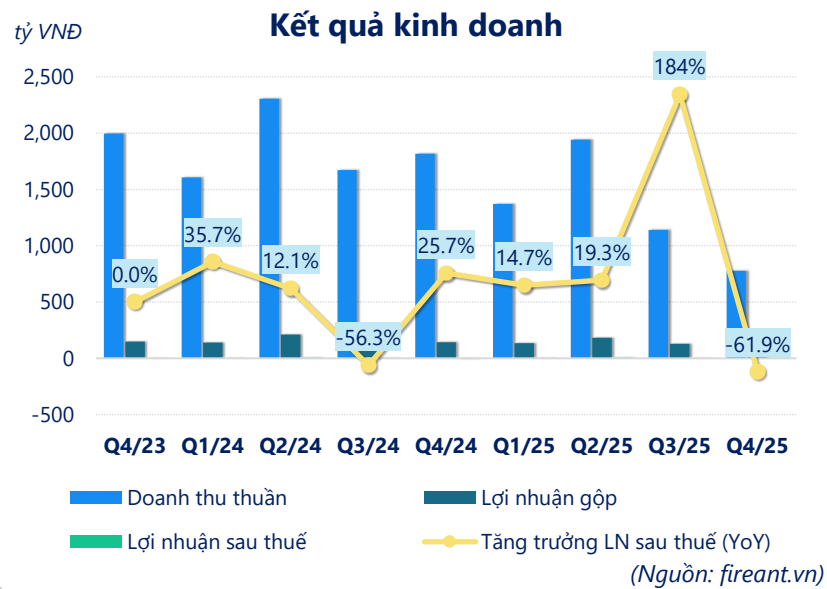


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		5,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		6,763
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,734
SL cổ phiếu LH		25,430,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		12,460
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		142
P/E		9.8
EPS		569

	YTD	1T	3T	6T
KGM	-17.2%	-1.8%	-3.4%	0.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	658	1,036	-36.5%
Tài sản ngắn hạn	488	854	-42.9%
Tiền và tương đương tiền	63.0	22.1	185%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	80.6	259	-68.8%
Hàng tồn kho	233	525	-55.6%
Tài sản ngắn hạn khác	111	48.1	131%
Tài sản dài hạn	170	182	-7.0%
Phải thu dài hạn	0.08	0.08	0.0%
Tài sản cố định	123	122	0.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.36	2.15	-37.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	45.1	57.9	-22.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	383	771	-50.3%
Nợ ngắn hạn	380	769	-50.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	180	690	-73.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	99.5	19.2	418%
Nợ dài hạn	3.44	1.85	86.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	3.44	1.85	86.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	275	265	3.5%
Vốn chủ sở hữu	275	265	3.5%
Vốn điều lệ	254	254	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,818	1,370	1,943	1,141	777
Giá vốn hàng bán	1,675	1,235	1,760	1,011	664
Lợi nhuận gộp	143	135	184	129	113
Doanh thu HĐTC	11.0	11.1	8.83	8.44	7.36
Chi phí TC	41.5	18.4	22.7	10.0	5.60
Chi phí lãi vay	15.9	7.93	12.4	6.43	4.05
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	89.9	115	151	115	64.5
Chi phí QLDN	21.2	8.05	9.90	7.55	46.8
LN thuần từ HĐKD	1.88	5.30	8.53	5.12	3.42
Lợi nhuận khác	0.31	-0.73	0.50	-0.83	-0.43
LN trước thuế	2.19	4.58	9.03	4.29	2.99
Lợi nhuận sau thuế	-5.22	3.66	7.22	3.43	0.16
LNST của CĐ cty mẹ	-5.22	3.66	7.22	3.43	0.16

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	773	-414	500	25.6	457
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.37	-0.28	-2.97	-7.12	-4.86
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-828	539	-550	-78.4	-424
Tiền đầu kỳ	77.1	22.1	147	94.1	34.2
Lưu chuyển tiền thuần	-55.0	125	-53.2	-60.0	28.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0.02	-0.05	0.03	0.06	-0.10
Tiền cuối kỳ	22.1	147	94.1	34.2	63.0

(Nguồn: fireant.vn)